TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Gạt

Ông Lê Văn Bút

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/01/2018 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như A, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Thôn 2 S, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 1, thôn B, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/9/2017, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng cũng như ý kiến trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Như A như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng (giấy chứng nhận kết hôn số 127/2013, quyển số 01/2013). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn B, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu, vợ chồng bà sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn nguyên nhân là do ông T thường xuyên đánh bài, cá độ bóng đá dẫn đến cầm cố tài sản trong nhà. Bà đã làm đơn ly hôn 01 lần sau đó rút đơn nhưng ông T không hề thay đổi. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định không

còn yêu thương ông T nữa nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà có hai con chung tên là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 23/4/2014 và Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 09/2/2016. Trước đây, bà A yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng/01 con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi nhưng thời gian gần đây cháu N được ông T đón về sống chung và có ông bà nội chăm sóc nên tại phiên tòa bà A yêu cầu được nuôi con Thu D, để ông T nuôi con Thu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn là Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và không có bản tự khai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 23/4/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 09/2/2016 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn xin xác nhận; bản sao: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao: giấy khai sinh con Thu N và Thu D, CMND bà A, sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị T; bản phô tô sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Như S; bản tự khai của bà A; đơn xác nhận ly thân; biên bản lấy lời khai bà A; biên bản xác minh.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Như A và Ông Nguyễn Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, không ai xuất trình thêm chứng cứ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Thủ tục tố tụng đã đảm bảo nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như A và Ông Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng (giấy chứng nhận kết hôn số 127/2013, quyển số 01/2013). là đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có giá trị pháp lý. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do ông T không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng ly thân, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể níu kéo được nữa nên Tòa án căn cứ Điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông T.

[3] Về quan hệ con chung: Có hai con Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 23/4/2014 và Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 09/2/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng/01 con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi nhưng tại phiên tòa bà A yêu cầu được nuôi con Thu D, để ông T nuôi con Thu N vì cháu N hiện đang ở với ông T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Yêu cầu của bà A là phù hợp nên Tòa án căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và giao đình, giao con Nguyễn Thị Thu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Thu D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6073 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Như A và Ông Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 23/4/2014 cho Ông Nguyễn Thanh T trược tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 09/2/2016 cho bà Nguyễn Thị Như A trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Như A phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6073 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã T, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG